

TIỂU SỬ

TRƯỜNG BỘ BINH THỦ ĐỨC – QLVNCH



Trường *Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, Liên trường Võ khoa Thủ Đức* hay còn gọi là *Trường Bộ binh Thủ Đức* (đầu tiên ở Thủ Đức, đến năm 1974 thì chuyển về Long Thành) là một trong 4 trường đào tạo sĩ quan cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa [QLVNCH]. Ba trường kia là Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, Trường Huấn luyện Không Quân Nha Trang, và Trường Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang. Trường Thủ Đức hoạt động từ năm 1951 đến năm 1975.

LƯỢC SỬ

Sau khi ký Hiệp Ước Pháp–Việt ngày 5/6/1948 tại vịnh Hạ Long, công nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập trong khối Liên hiệp Pháp, Quốc trưởng Bảo Đại đã ký hiệp ước ngày 8/3/1949 tại điện Elysée với Tổng thống Pháp Vincent Auriol, theo đó, Pháp sẽ giúp Việt Nam thành lập Quân Đội Quốc Gia [QĐQG].

Ngày 23/12/1950, Pháp–Mỹ–Việt ký hiệp Định hỗ tương, phòng thủ, và viện trợ quân sự; theo đó, Mỹ viện trợ cho Quốc Gia Việt Nam 2 tỷ Mỹ kim trong 4 năm, từ 1950 đến 1954 để trang bị cho quân đội. Cùng ngày, Nghị Định thành lập 2 trường Sĩ quan Trừ bị Nam Định và Thủ Đức được ban hành, nhằm đào tạo sĩ quan ngạch trừ bị cho QLVNCH.

Ngày 5/5/1951, Bộ Quốc phòng mới thật sự được thành lập bằng những cơ cấu tiên khởi đã được phác họa và tạm sắp xếp từ thời chính phủ Trung ương Lâm thời Nguyễn Văn Xuân.

Do Sắc Lệnh của Quốc Trưởng Bảo Đại ký dụ số 12 ngày 15/7/1951, gọi Tổng động viên thanh niên tuổi từ 18 đến 28 đều phải nhập ngũ. Việc động viên thành phần sĩ quan nhắm vào tư nhân, công tư chức, học sinh, sinh viên có bằng từ Cao đẳng Tiểu học hay trung

học đệ nhất cấp hoặc tương đương trở lên. Trong đợt động viên đầu tiên, vào năm 1951, có nhiều sinh viên sĩ quan đã đậu bằng tú tài hay cử nhân, đặc biệt tại trường Sĩ quan Nam Định có 197 SVSQ (55.33%) trong số 356 SVSQ có bằng tú tài trở lên, riêng Sinh viên sĩ quan Nguyễn Phú Đức đã có bằng tiến sĩ Luật Khoa.

Nhưng vì dự án xây cất trường ốc trên đồi Tăng Nhơn Phú chưa hoàn tất nên Khoá 1 Sĩ quan Trừ bị đã được khai giảng tại hai địa điểm ở Bắc và Nam Việt, đó là Nam Định và Thủ Đức.

Khoá Sĩ quan Trừ bị đầu tiên khai giảng cùng một ngày 9/10/1951 tại Nam Định và Thủ Đức. Trường Sĩ quan Trừ bị Nam Định huấn luyện sinh viên sĩ quan thuộc các tỉnh từ Quảng Trị ra Bắc.

Tại Nam Định, trường sử dụng một số phòng ốc trong Camp Carreau làm nơi huấn luyện. Camp Carreau là một căn cứ quân sự của Bộ chỉ huy Quân đội Viễn chinh Pháp tại miền Nam, nằm trong khuôn viên nhà máy sợi Nam Định. Vấn đề động viên sĩ quan lúc đầu cũng gặp một vài trở ngại như tại Nam Định có một số khoá sinh, sau khi hết phép vào dịp Tết Nguyên Đán, đã trở về đơn vị trễ hay bỏ học, không trở lại trường. Vì vậy cho nên có một số sinh viên sĩ quan trong trường hợp nói trên đã bị bắt giữ, nhưng sau lại được thả ra và đưa vào Thủ Đức tiếp tục học Khoá 1 hay được phép thi vào trường Võ Bị Đà Lạt.

Trường Sĩ quan Trừ bị Nam Định chỉ đào tạo được một khoá rồi đóng cửa vĩnh viễn vào năm 1952 vì tại Thủ Đức, trường lúc đó đã được xây dựng xong, đủ chỗ cho cả khoá. Sinh viên Khoá 2 Nam Định được đưa vào Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức. Trường tọa lạc trên khu đồi Tăng Nhơn Phú, cách chợ Thủ Đức khoảng hai cây số. Trường Sĩ quan Trừ bị Nam Định được bàn giao lại cho trường Võ Bị Nam Định vào khoảng cuối năm 1952.

Tại Thủ Đức, để có đủ quân số khẩn thành lập các đơn vị khinh quân thay thế quân Pháp rút khỏi các đồn bót, lệnh tổng động viên đã được ban hành vào ngày 1/4/1953. Theo kế hoạch dự trù thì việc động viên được chia làm 4 đợt, mỗi đợt 10,000 người trong tháng, kể từ tháng 7/1953. Các thành phần trước đây đã phục vụ trong quân ngũ, nay cũng bị tái ngũ. Ngoài ra, 60,000 thanh niên Việt Nam cũng được lệnh nhập ngũ để thụ huấn hai tháng về căn bản quân sự, sau khi mãn khoá, họ được trở về với gia đình để chờ lệnh. Sự thực thì vấn đề động viên binh sĩ lúc bấy giờ chỉ là một nhu cầu chính trị.

Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức huấn luyện sinh viên sĩ quan trình diện nhập ngũ thuộc các tỉnh từ Huế trở vào Nam. Ban đầu trường tạm dựng những dãy nhà mái lá, vách phen tre làm chỗ cho sinh viên sĩ quan tạm trú.

Chương trình huấn luyện sĩ quan trừ bị cũng tương tự như chương trình đào tạo các sĩ quan hiện dịch. Thời gian huấn luyện dài khoảng 6 tháng, không kể thời gian thực tập. Tính đến cuối năm 1953, QĐQG gồm có 198,000 người, trong đó 151,000 (76.27%) là chính quy và 47,000 (23.73%) là phụ lực quân.

Ngày 12/8/1954, dụ số 12 ký ngày 15/7/1951 và các nghị định liên quan đến dụ trên đều tạm đình chỉ cho đến khi có lệnh mới. Lệnh động viên được tạm ngưng nhưng các quân nhân Trừ bị vẫn được lưu giữ.

Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức hoạt động tới cuối tháng 4/1975, lúc đó mang tên là Trường Bộ Binh.

Từ Khoá 1 đến Khoá 5, hơn 4,000 sĩ quan được đào tạo tốt nghiệp với cấp bậc thiếu úy, không tốt nghiệp thì tùy theo số điểm sẽ mang cấp chuẩn úy hay hạ sĩ quan.

Thiếu úy sau 2 năm được đương nhiên thăng trung úy và chuẩn úy sau 1 năm được đương nhiên thăng thiếu úy.

Từ Khoá 6 trở về sau, tốt nghiệp với cấp chuẩn úy.

TIỀN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG SĨ QUAN TRỪ BỊ TRẢI QUA 3 GIAI ĐOẠN

Giai đoạn 1951–1955

Để đáp ứng nhu cầu cán bộ chỉ huy các đơn vị tân lập cho kế hoạch bình định lãnh thổ và để thay thế các sĩ quan Pháp hiện đang chỉ huy đơn vị Việt Nam, trường Sĩ quan Trừ bị được thành lập vào khoảng đầu năm 1951 và khởi sự huấn luyện từ tháng 10/1951.

Khoá 1 Sĩ quan Trừ bị khai giảng vào ngày 16/10/1951. Tại Nam Định, sĩ số là 356 sinh viên sĩ quan, mãn khoá vào ngày 1/6/1952, được đặt tên là Khoá Lê Lợi. Tại Thủ Đức, sĩ số khoảng 250 sinh viên sĩ quan, mãn khoá vào ngày 31/5/1952, được đặt tên là Khoá Lê Văn Duyệt. Tổng cộng cả hai Khoá Lê Lợi và Lê Văn Duyệt có 580 tân sĩ quan gồm 495 thiếu úy và 85 chuẩn úy. Thủ khoa Khoá Lê Lợi là thiếu úy Nguyễn Duy Hình và thủ khoa Khoá Lê Văn Duyệt là thiếu úy Phạm Kim Quy. Cấp hiệu thiếu úy, dập theo cấp bậc của quân đội Pháp, là một gạch vàng hay trắng bằng kim tuyến, nằm trên hai cầu vai. “Lon” màu trắng dành cho các sĩ quan thuộc binh chủng Thiết Giáp, Quân Cự, và Thông Vận Binh. Cấp hiệu màu vàng dành cho Bộ binh và các binh chủng khác.

Chỉ huy trưởng đầu tiên người Việt là Đại tá Phạm Văn Cầm, xuất thân Trường Thiếu Sinh quân. Trong Giai đoạn 1951–1954, các Sĩ quan tốt nghiệp mang cấp bậc thiếu úy và

có thể chọn ở lại Bộ binh hay chuyển sang các quân chủng Không quân, Lục quân hoặc binh chủng Nhảy Dù.

Nhằm tăng cường cho biện pháp động viên, ngày 12/4/1954, thủ tướng Bửu Lộc đã quyết định động viên tập thể mọi thanh niên sinh từ 1/1/1929 đến 31/12/1933. Hầu hết số người trong hạng tuổi này, khoảng 1,250 người đủ điều kiện học vấn, đã trình diện các Bộ Tư lệnh Quân khu để theo học Khoá 4 (Khoá Cương Quyết và Cương Quyết 2 gồm 1,250 sinh viên sĩ quan. 900 sinh viên sĩ quan, khai giảng vào ngày 25/3/1954 tại Trường Thủ Đức (Khoá Cương Quyết), số 350 sinh viên còn lại được chuyển lên Đà Lạt thụ huấn (Cương Quyết 2), nhưng đến ngày mãn khoá, 1/10/1954, người ta ghi nhận chỉ còn lại 160 thiếu úy và 99 chuẩn úy tốt nghiệp, gần 100 sinh viên khác không hội đủ điều kiện nên đã bị loại sau kỳ khảo hạch giai đoạn 1. Thủ khoa Cương Quyết 2 tại Đà Lạt là Thiếu úy Ngô Văn Lợi. Thời gian huấn luyện dành cho Khoá 4 là 6 tháng nhưng Khoá Cương Quyết tại Thủ Đức mãn khoá sau Khoá Cương Quyết 2 tại Đà Lạt đúng một tuần.

Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức đã đào tạo hơn 4,000 sĩ quan (từ Khoá 1 đến Khoá 5).

Sau khi hoàn tất việc huấn luyện Khoá 5 Sĩ quan Trừ bị, Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức tạm ngưng đào tạo sĩ quan trừ bị trong một thời gian khoảng 2 năm do ảnh hưởng của Hiệp Định Genève ngày 20/7/1954 trong điều kiện giảm trừ quân bị.

Vào cuối năm 1955, các lớp huấn luyện chuyên môn như Quân Cụ, Quân Chánh, Thông vận binh, Thiết giáp binh, Pháo binh, Công binh, Truyền tin... lần lượt trở thành các trường chuyên môn, phụ trách huấn luyện cán bộ các cấp, từ hàng binh sĩ cho đến sĩ quan, thuộc binh sở hay binh chủng. Nhưng các trường hay lớp huấn luyện chuyên môn này vẫn được đặt dưới quyền kiểm soát của Bộ Chỉ Huy Trường Sĩ quan Trừ bị. Do đó, vào đầu năm 1957 trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức được cải danh thành Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức gồm các quân trường:

- Trường Bộ Binh,
- Trường Thiết Giáp,
- Trường Pháo Binh,
- Trường Công Binh,
- Trường Truyền Tin,
- Trường Quân Cụ,
- Trường Thông Vận Binh,
- Trường Quân Chính.

Riêng hai trường Pháo Binh và Công Binh tuy thống thuộc Liên trường nhưng trú đóng tại Bình Dương và Khoá 6 sĩ quan trừ bị được tiếp tục huấn luyện ngày 25/3/1957. Khoá 6 là khoá sĩ quan trừ bị đầu tiên kể từ ngày nước Việt Nam bị chia cắt làm hai miền Nam,

Bắt tại vĩ tuyến thứ 17 bởi Hiệp Định Genève, do Pháp và Việt Minh cùng thỏa thuận ký kết vào ngày 21 tháng 7, năm 1954. Đại úy Nguyễn Viết Thanh, sau này là Thiếu tướng Tư Lệnh Quân Đoàn IV, được chỉ định làm giám đốc “Trường Sĩ quan Trừ bị” này. Tổng số sinh viên sĩ quan Khoá 6 gồm khoảng 600 người kể cả 200 khoá sinh thuộc Bảo An đoàn. Đặc biệt khoá này được huấn luyện trong thời gian 11 tháng để các tân sĩ quan có đủ khả năng chỉ huy một đơn vị cao hơn cấp trung đội khi cần.

Cũng kể từ Khoá 6 Sĩ quan Trừ bị, sinh viên sĩ quan sau khi tốt nghiệp được mang cấp bậc chuẩn úy thay vì thiếu úy như 5 Khoá trước áp dụng quy chế của quân đội Pháp. Chuẩn úy Phạm Văn Vĩnh Thủ khoa Khoá 6.

Giai đoạn 1955–1963

Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức được đổi tên thành Liên trường Võ khoa Thủ Đức, ngoài sĩ quan bộ binh, trường còn đào tạo sĩ quan Thiết vận, Quân chính, Quân cụ, Quân nhu, Quân y, Dược, Truyền tin, Công binh, Thông vận binh (xa binh). Thời gian huấn luyện: 38 tuần.

Từ 1955 đến 1961, Liên trường Võ khoa Thủ Đức cung cấp

- 2/3 tổng số sĩ quan bộ Binh,
- 80% cán bộ (sĩ quan và chuyên viên Quân Nhu),
- 89% cán bộ Quân Cụ,
- 95% cán bộ Thiết Giáp và Truyền Tin,
- 97% cán bộ Pháo Binh,
- 90% cán bộ Công Binh.

Kể từ Khoá 10 (tháng 6/1960), các khoá sinh có bằng Trung Học Độ Nhất Cấp phải qua một kỳ thi tuyển để theo học vào Trường Sĩ Quan Trừ Bị.

Tháng 10/1961, một số trường chuyên môn được tách ra. Liên Trường Võ khoa Thủ Đức chỉ còn 3 trường là Bộ Binh, Thiết Giáp, Vũ thuật, và Thể Dục Quân Sự.

Đầu năm 1962, Bắt đầu từ Khoá 13 điều kiện theo học Trường Sĩ Quan Trừ Bị là phải có bằng tú tài 1 trở lên. Các khoá sinh Bảo An kể từ khoá này cũng phải qua kỳ thi tuyển.

Từ tháng 10 năm 1962, Liên Trường phụ trách huấn luyện những sĩ quan Lục Quân (Bộ Binh) về theo học lớp Đại Đội Trưởng Bộ Binh (theo chương trình học khi tốt nghiệp được văn bằng tốt nghiệp Đại Đội Trưởng hay Bộ Binh Cao Cấp)

Ngày 1 tháng 8, năm 1963 (giữa Khoá 15) Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức đổi tên thành Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức và chỉ đảm trách việc đào tạo sĩ quan trừ Bị cho toàn thể Lục Quân Việt Nam. Mỗi năm, Trường có 3 khoá huấn luyện.

Sau cách mạng (đảo chánh) 1/11/1963, Bảo An cải danh thành Địa Phương Quân.

Ngày 1 tháng 7, năm 1964, Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức được đổi lại danh xưng Trường Bộ Binh cho đến năm 1975.

Tháng 4, năm 1964, Trường được giao phó thêm việc huấn luyện lớp Tiểu Đoàn Trưởng Bộ Binh.

Từ năm 1951 đến 1967, mỗi năm chỉ có một khoá, đánh số từ 1 đến 27. Đến năm 1968, một năm có nhiều khoá, nên đánh số theo năm (1/1968, 2/1968...)

Giai đoạn 1964–1975

Sau biến cố Tết Mậu Thân và sắc lệnh Tổng động viên ban hành ngày 19/6/1968, hàng năm Trường Bộ Binh Thủ Đức đào tạo 6 đến 8 khoá, do nhu cầu chiến trường. Chương trình huấn luyện chia thành hai giai đoạn: Trong giai đoạn 1, khoá sinh được gọi là Tân khoá sinh dự bị sĩ quan, thụ huấn tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Sau khi hoàn tất giai đoạn 1, các Tân khoá sinh/Dự bị Sĩ quan đủ tiêu chuẩn được chuyển sang Thủ Đức học tiếp giai đoạn 2. Về sau, các Tân khoá sinh được huấn luyện giai đoạn 1 ngay tại Thủ Đức.

Trong giai đoạn này, vì số lượng SVSQ quá lớn, thiếu trường sở, và huấn luyện viên, nhiều khoá sĩ quan trừ bị đã được đào tạo tại Trường Hạ Sĩ quan Đồng Đế.

Các giai đoạn học của Sinh viên sĩ quan

Chương trình huấn luyện đào tạo sĩ quan chỉ huy Trung đội gồm có 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1 (18 tuần)

Bộ binh căn bản. Tác chiến cá nhân.

Cơ bản thao diễn, tác xạ, vũ khí cá nhân (Colt 45, Garand M1, tiểu liên Thompson, trung liên Bar, Carbine M1, M2, AR15, M16). Thủ lĩnh các đội hình hàng dọc, hàng ngang, quả trám. Học cách chỉ huy tiểu đội.

Giai đoạn 2 (28 tuần)

Tập chỉ huy trung đội. Chiến thuật trung đội. Vũ khí cộng đồng. Chiến thuật đánh đêm, đánh ngày, bố trí hỏa lực, các đội hình di chuyển khi hành quân, khi phòng thủ, dừng quân, hành quân đồ trực thăng, từng thiết Thiết giáp, vượt sông, phục kích, tao ngộ chiến, xa luân chiến...

Học Chiến tranh chính trị, Quân pháp, Lãnh đạo chỉ huy, giải tán biểu tình, bắt tù binh... Rèn luyện can đảm bằng bò hỏa lực bắn đạn thật, đi dây tử thần, tuột núi, vượt sông.

Vũ khí cộng đồng như: đại liên, súng cối 60ly, 81ly, súng phóng hỏa tiễn M72, M79...

Tuần lễ hành quân thực tập để ôn lại tất cả những môn học, được tổ chức bên ngoài các bãi tập.

Trong năm 1969–1970, mấy chục sinh viên sĩ quan đã chết trên những bãi tập do mìn thật của Cộng quân gài trên đường thực tập.

Quân sự là phương tiện của chính trị, sinh viên sĩ quan cũng được học về những điều sai lầm của Chủ nghĩa Cộng sản.

Bắt đầu Khoá 26, áp dụng phương pháp huấn luyện theo Bộ Binh Hoa Kỳ. Chương trình học vẫn nội dung cũ, chỉ khác biệt ở phần huấn luyện thể chất. Cụ thể là di chuyển bằng cách chạy. Vất vả nhiều cho sinh viên sĩ quan hơn. Theo kiểu Hoa Kỳ không nổi, vì thể chất của người Việt Nam nhỏ con hơn người Mỹ, do đó, có sự điều chỉnh cho hợp với thể trạng của người Việt Nam. Một sĩ quan cán bộ tốt nghiệp Fort Benning, anh Nguyễn Thượng Hà, sau một thời gian chạy theo đại đội, bị ngã gục vì kiệt sức. Giải ngũ.

Một số sĩ quan được gửi sang Mỹ học khoá Bộ Binh ở trường Fort Benning, tiểu bang Georgia, Hoa Kỳ, kéo dài 24 tuần lễ đã đào tạo hàng trăm sĩ quan làm cán bộ của Liên Đoàn Sinh viên Sĩ quan Trường Bộ Binh.

Tháng 4/1974 Trường Bộ binh Thủ Đức chuyển sang căn cứ huấn luyện mới tại Long Thành (doanh trại cũ của Quân Đội Thái Lan cũ).

Đến đầu tháng 4, năm 1975, Trường Bộ Binh lại dọn về Thủ Đức. Khoá cuối cùng là khoá 3/75.

Ngày 27/4/1975 trường lại được lệnh di tản chiến thuật về Tăng Nhơn Phú–Thủ Đức để nghênh cản địch quân dưới quyền điều động của Đại tá Liên đoàn trưởng Lộ Công Danh. Một trong những nhân chứng có mặt tại đồi Tăng Nhơn Phú vào giờ chót của ngày cuối cùng, ông Minh Tân Lê Quảng Trị, đã tường thuật đại để như sau: Vào lúc 8:15g sáng

30/4/1975, từ xa lộ Biên Hòa, 4 chiến xa T-54 của CS Bắc Việt lồng lộn tiến nhanh về phía quân trường Thủ Đức, nhưng 3 trong 4 chiến xa nói trên đã bị bắn cháy ngay tại bờ rào kẽm gai bởi pháo binh 105ly bố phòng trực xạ.

Chiếc chiến xa T-54 còn lại vượt thoát chạy thẳng vào trung tâm trường Thủ Đức, dùng đại liên 50 trên pháo tháp bắn sổi xả vào lực lượng phòng thủ khiến Trung tá Ông Văn Tuyên, Trung sĩ I Nhân, và 5 sinh viên sĩ quan tử thương, Thiếu tá Vương Bá Thuận và 9 người khác bị thương. Sau đó chiếc chiến xa này chạy thẳng ra cổng số 1, tìm đường tẩu thoát nhưng đã bị các tổ sinh viên sĩ quan sử dụng súng phóng hỏa tiễn M72 bắn đứt xích. Khi chiến xa lết ra tới Niệm Phật đường Quảng Đức, chợ Nhỏ, chúng quay pháo tháp vào Trường, tiếp tục bắn phá.

Trước tình trạng nan giải này, hai tân khoá sinh, mỗi người tình nguyện mang 4 trái lựu đạn lân tinh, bò ra ngoài để tiêu diệt chiến xa địch. Trong lúc chiếc T-54 đang nhả đạn vào trường, hai khoá sinh nói trên đã leo lên chiến xa, thả lựu đạn lân tinh vào trong pháo tháp khiến chiến xa địch phát hỏa, đạn trong pháo tháp phát nổ tung.

Chiến tích dũng cảm của hai tân khoá sinh không những đã làm mọi người phải ngưỡng phục mà còn nói lên cái khả năng chiến đấu siêu việt cũng như ý chí bất khuất và quyết thắng của Sinh viên sĩ quan Trừ Bị Thủ Đức.

Vào lúc 10:20g sáng ngày 30/4/1975, Đại tướng Dương Văn Minh, Tổng thống vài ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa, đã ra lệnh cho QLVNCH buông súng đầu hàng. Tất cả cán bộ cũng như sinh viên, khoá sinh, không ai bảo ai, đã lần lượt giã từ vũ khí, về với gia đình.

Phù Hiệu Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức

Năm 1962, Phù hiệu của Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức gồm ngọn lửa hồng bao quanh thanh kiếm bạc trong nền xanh, được ghi thêm phương châm “Cư An Tư Nguy” trên phù hiệu, có nghĩa là muốn sống yên ổn thì phải nghĩ đến lúc hiểm nguy, suy rộng ra “Muốn Hòa Bình phải chuẩn bị Chiến Tranh” do sáng kiến của Đại tá Phan Đình Thứ, tự Lam Sơn, đương kim Chỉ huy trưởng Trường.

Nền xanh da trời: biểu hiện sự thanh khiết từ tư tưởng đến hành động, và ý chí cao cả của thanh niên đối với quê hương.

Ngọn Lửa Hồng: biểu hiện lòng can đảm, chí cương quyết, đức hy sinh.

Thanh Kiếm: biểu hiện cho Cấp chỉ huy.

Bốn chữ “*Cư an tư nguy*” sống yên (không quên) lo nguy, được ghi thêm vào theo đề nghị của Đại tá Lam Sơn trong thời gian ông làm Chỉ huy trưởng (1962). Câu này trích từ Hệ Từ Hạ của Khổng Tử:

*Nguy giả an kỳ vĩ giả dã
Vong giả bảo kỳ tồn giả dã
Loạn giả hữu kỳ trị giả dã
Thị cô quân tử an nhi bất vong nguy, tồn nhi bất vong vong
Tri nhi bất vong loạn
Thị dĩ nhân an nhi quốc gia khả bảo gia.*

Nghĩa là:

*Người bị nguy là bởi cứ yên vui nơi ngôi phận mình
Bị mất là bởi chỉ tới cái hiện có
Bị loạn bởi tin cậy cái trị có sẵn.*

Bởi thế, người quân tử lúc sống yên không quên cái nguy, còn không quên lúc mất. Khi thịnh trị không quên cảnh loạn suy, như vậy mới yên thân mà giữ được nước nhà.

Câu từ dài ấy được rút lại còn 8 chữ: “***Cư an lự nguy, xử trị tư loạn***” và gọn hơn nữa, 4 chữ: “***CU’AN TƯ NGUY***”

Dây Biều Chương Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức

Trường Bộ Binh được tuyên dương công trạng hai lần trước quân đội. Được mang dây biều chương màu Anh Dũng Bội Tinh.

Các Vị Chỉ Huy Trưởng Liên Tiếp & Thời Gian Phục Vụ

1. Thiếu tướng Georges Bouillet (Thủ Đức): 1/10/1951,
2. Thiếu tá Tilly (Nam Định): 1/10/1951,
3. Đại tá Chalandon (Nam Định & Thủ Đức): 5/1/1952,
4. Đại tá Phạm Văn Cảm: 1/11/1953 đến ngày 30/9/1956,
5. Thiếu tướng Lê Văn Nghiêm: 30/9/1956,
6. Đại tá Nguyễn Văn Chuân: 26/5/1961,
7. Thiếu tướng Hồ Văn Tố: 27/7/1961,
8. Đại tá Phan Đình Thứ, tự Lam Sơn: 19/5/1962,
9. Thiếu tướng Trần Ngọc Tám: 3/11/1963,
10. Đại tá Bùi Hữu Nhơn: 7/4/1964,
11. Chuẩn tướng Cao Hảo Hớn: 20/11/1964,

12. Đại tá Trần Văn Trung: 20/5/1965,
13. Thiếu tướng Bùi Hữu Nhơn: 2/12/1966,
14. Đại tá Lâm Quang Thợ: 14/4/1967,
15. Thiếu tướng Phạm Quốc Thuần: 20/8/1969,
16. Trung tướng Nguyễn Văn Minh: 31/10/1973,
17. Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi: 1/11/1974,
18. Đại tá Trần Đức Minh: 4/4/1975 đến 30/4/1975.

CÁC VỊ TƯỚNG XUẤT THÂN TỪ TRƯỜNG SĨ QUAN TRỪ BỊ

Khoá 1 Nam Định 219 sĩ quan tốt nghiệp gồm có:

Trung tướng Nguyễn Đức Thắng (Bộ Trưởng Xây Dựng Nông Thôn),
 Trung tướng Lê Nguyên Khang (Tur Lệnh Thủy Quân Lục Chiến),
 Trung tướng Nguyễn Bảo Trị (Tổng Cục trưởng Quân Huấn),
 Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ (*Tur lệnh Không Quân, Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung Ương*),
 Thiếu tướng Nguyễn Duy Hình (Tur Lệnh Sư Đoàn 3 Bộ binh),
 Chuẩn tướng Vũ Đức Nhuận (Cục Trưởng Cục An Ninh Quân Đội),

Phó đề đốc Đặng Cao Thắng (Tur lệnh Hải Quân Vùng IV sông ngòi kiêm Tur lệnh Hạm Đội 21),
 Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Tàn (Tur Lệnh Sư Đoàn 4 Không Quân),
 Chuẩn tướng Phan Phụng Tiên (Tur Lệnh Sư Đoàn 5 Không Quân),
 Chuẩn tướng Nguyễn Văn Diễm (Tur Lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh),
 Chuẩn tướng Nguyễn Văn Lượng (Tur Lệnh Sư Đoàn 2 Không Quân),
 Chuẩn tướng Đặng Đình Linh (Tham Mưu Phó Tiếp vận Bộ Tur Lệnh Không Quân),
 Chuẩn tướng Nguyễn Chấn (biệt phái Bộ Canh Nông),
 Chuẩn tướng Phạm Hữu Nhơn (Trưởng Phòng 7 Bộ Tổng Tham Mưu).

Khoá 1 Thủ Đức 278 sĩ quan tốt nghiệp gồm có:

Trung tướng Trần Văn Minh (Tur Lệnh Không Quân),
 Trung tướng Đồng Văn Khuyên (Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Tiếp Vận),
 Thiếu tướng Nguyễn Khắc Bình (Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia),
 Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan (Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia),
 Thiếu tướng Võ Xuân Lành (Tur Lệnh Phó Không Quân),
 Thiếu tướng Phan Đình Soạn (Tur Lệnh Phó Quân Đoàn I Quân Khu I). Truy thăng,
 Chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang (Tur Lệnh Sư Đoàn 6 Không Quân),
 Chuẩn tướng Huỳnh Bá Tính (Tur Lệnh Sư Đoàn 3 Không Quân),
 Chuẩn tướng Trương Bửu (*Phụ tá Đặc Biệt Tur lệnh Cảnh Sát Quốc Gia Đặc Trách Điều Hành*),
 Chuẩn tướng Huỳnh Công Thành (*Tinh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Bình Tuy*). Truy thăng.

Khoá 2 Thủ Đức gồm có:

Chuẩn tướng Bùi Quý Cảo (Tổng Giám Đốc Tài Chánh và Thanh Tra Quân Phí),
Chuẩn tướng Nguyễn Văn Thiện (Tur Lệnh Biệt Khu Quảng-Đà),
Chuẩn tướng Ngô Hán Đồng (Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh Quân Đoàn I). Truy thắng,
Chuẩn tướng Nguyễn Văn Khương (Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Phong Dinh). Truy thắng.

Khoá 3 Thủ Đức gồm có:

Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam (Tur Lệnh Quân đoàn IV, tuần tiết ngày miền Nam lọt vào tay cộng sản Bắc Việt),

Chuẩn tướng Huỳnh Văn Lạc (Tur Lệnh Sư Đoàn 9 Bộ Binh),
Chuẩn tướng Nguyễn Văn Giàu (Phụ Tá Đặc Biệt Tur Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia Đặc Trách An Ninh),
Chuẩn tướng Chung Tấn Phát (Chánh Võ Phòng Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu).

Khoá 3 Phụ Thủ Đức (tức Khoá 9B tại Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt):

Chuẩn tướng Nguyễn Bá Liên. (Tur Lệnh Biệt Khu 24 Kontum). Truy thắng.

Khoá 4 (gồm Cương Quyết & Cương Quyết 2: 1,148 sĩ quan tốt nghiệp

Cương Quyết học tại Thủ Đức:

Trung tướng Ngô Quang Trưởng (Tur Lệnh Quân đoàn I),
Thiếu tướng Bùi Thế Lân (Tur Lệnh Thủy Quân Lục Chiến),
Chuẩn tướng Lê Quang Lưỡng (Tur Lệnh Nhảy Dù),
Chuẩn tướng Phạm Duy Tất (Tur Lệnh cuộc hành quân triệt thoái Quân Đoàn II khỏi cao nguyên),
Chuẩn tướng Đỗ Văn An. (Trung đoàn trưởng Trung Đoàn 10, Sư Đoàn 7 Bộ Binh). Truy thắng,
Chuẩn tướng Nguyễn Trọng Bảo. (Tham mưu trưởng kiêm Phụ tá Hành Quân Sư Đoàn Nhảy Dù). Truy thắng,
Chuẩn tướng Hồ Trung Hậu (Chánh Thanh Tra Quân Đoàn III Quân Khu III).
Cương Quyết 2 (tức Khoá 10B tại Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt):
Chuẩn tướng Trần Quốc Lịch (Chánh Thanh Tra Quân Đoàn IV Quân Khu IV).

Khoá 5 Thủ Đức: 1,396 sĩ quan tốt nghiệp:

Chuẩn tướng Lê Văn Hưng (Tur lệnh phó Quân đoàn IV, tuần tiết ngày miền Nam bị cưỡng chiếm bởi cộng sản Bắc Việt).

Khoá 16 Thủ Đức:

Chuẩn tướng Cảnh Sát Trang Sĩ Tấn (Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Đô Thành Sài Gòn).

THÀNH QUẢ CỦA TRƯỜNG BỘ BINH THỦ ĐỨC

Từ năm 1951 đến năm 1975, qua 24 năm đào tạo, đã có 87 khoá SQTĐ với 99,223 sĩ quan. Trong đó khoảng 15,000 người biệt phái về các ngành chuyên môn (hầu hết là giáo chức. Đặc biệt trong năm 1972 có 15 khoá SQTĐ thụ huấn tại Nha Trang và Thủ Đức. Kể từ tháng 1/1968 đến tháng 12/1973, trong việc tiếp sức trường Bộ binh Thủ Đức, riêng trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đế Nha Trang đã đào tạo được 12,000 sĩ quan trừ bị. Ngoài ra, trường Bộ binh Thủ Đức còn phụ trách huấn luyện các khoá như sau:

Khoá Đại Đội Trưởng: 44 khoá với 5,000 sĩ quan,
Khoá Tiểu Đoàn Trưởng và Bộ Binh Cao Cấp: 18 khoá với 1,500 sĩ quan.

Các khoá khác

Khoá Hoàn Hảo Sĩ quan Địa Phương Quân,
Khoá bổ túc quân sự cho sĩ quan Y, Dược sĩ trung tập,
Khoá đào tạo Huấn luyện viên cho hàng ngàn sĩ quan Không Quân, Hải Quân, và Cảnh Sát Quốc Gia.

Theo niên giám ngày 31/1/1974, thì có 23/81 tướng lãnh xuất thân từ trường Bộ Binh.

Ngày 12/4/1954, lệnh động viên lớp tuổi 21 đến 23 vào khoá 4 với tổng số là 1,250 người. Vì Trường Thủ Đức không đủ phòng ốc, cho nên 250 người được gọi tới học tại trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Học xong, trở về Thủ Đức làm lễ mãn khoá.

*Rời Thủ Đức có người thành chiến tướng
Cũng có người thành chiến sĩ vô danh.
Đời binh nghiệp là đường sát nghiệp
“Nhất tướng công thành vạn cốt khô.”*

DANH SÁCH CÁC KHOÁ THUỘC TRƯỜNG SĨ QUAN TRỪ BỊ THỦ ĐỨC

Khoá 1 Nam Định: từ 15/10/1951–15/10/1952
Tên khoá: Lê Lợi, Thủ khoa: Nguyễn Duy Hình

Khoá 1 Thủ Đức: từ 15/10/1951–15/10/1952
Tên khoá: Lê Văn Duyệt, Thủ khoa: Phạm Kim Quy

Khoá 2: từ 1/10/1952–1/4/1953

Tên khoá: Phụng Sự, Thủ khoa: Nguyễn Thanh Huê.

Khoá 3: từ 1/4/1953–1/11/1953

Tên khoá: Đồng Đa, Thủ khoa: Phạm Văn Mân

Khoá 3 phụ: từ 1/9/1953–16/3/1954

Tên khoá: Đồng Đa, Thủ khoa: Nguyễn Cao Trường

Khoá 4: từ 1/12/1953–1/6/1954

Tên khoá: Cương Quyết, Thủ khoa: Nguyễn Văn Hai

Khoá 4 phụ: từ 16/3/1954–1/10/1955

Tên khoá: Cương Quyết, Thủ khoa: Nguyễn Thanh Nguyên

Khoá 5: từ 16/6/1954–1/2/1955

Tên khoá: Vì Dân, Thủ khoa: Nguyễn Văn Minh

Khoá 6: từ 25/3/1957–8/3/1958

Tên khoá: Cộng Hòa, Thủ khoa: Phạm Văn Vĩnh

Khoá 7: từ 25/6/1958–10/6/1958

Tên khoá: Nhân Vị, Thủ khoa: Nguyễn Hữu Phú

Khoá 8: từ 2/3/1959–7/3/1960

Tên khoá: Bạch Đằng, Thủ khoa: Phạm Thanh Nhân

Khoá 9: từ 12/10/1959–14/11/1960

Tên khoá: Đoàn Kết, Thủ khoa: Lương Văn Hòa

Khoá 10: từ 20/6/1960–14/6/1961

Tên khoá: Thành Tín, Thủ khoa: Huỳnh Văn Be

Khoá 11: từ 9/1/1961–22/12/1961

Tên khoá: Đồng Tiến, Thủ khoa: Trần Văn Ân

Khoá 12: từ 23/10/1961–1/8/1962

Tên khoá: Trần Hưng Đạo, Thủ khoa: Nguyễn Ngọc Linh

Khoá 13: từ 15/3/1962–28/12/1962

Tên khoá: Ấp Chiến Lược, Thủ khoa: Trương Đình Ngử

Khoá 14: từ 17/9/1962–14/6/1963

Tên khoá: Nhân Trí Dũng, Thủ khoa: Nguyễn Ngọc Diệp

Khoá 15: từ 25/2/1963–27/11/1963

Tên khoá: Cách Mạng, Thủ khoa: Nguyễn Lương Y

Khoá 16: từ 27/9/1963–30/4/1964

Tên khoá: Võ Tánh, Thủ khoa: Mai Văn Men

Khoá 17: từ 13/1/1964–22/10/1964

Tên khoá: Nguyễn Thái Học, Thủ khoa: Nguyễn Văn Long

Khoá 18: từ 8/6/19/64–18/3/1965

Tên khoá: Phan Văn Trị, Thủ khoa: Trần Văn Ngôn

Khoá 19: từ 23/11/1964–57/8/1965

Tên khoá: Nguyễn Huệ, Thủ khoa: Trần Sách Dọc

Khoá 20: từ 12/4/1965–22/12/1965

Tên khoá: Xây Dựng, Thủ khoa: Lý Công Thuần

Khoá 20 phụ: từ 7/1965–1/4/1966

Khoá 21: từ 10/1965–19/10/1966

Khoá 22

Khoá 23: từ 9/1966–6/1967

Khoá 24: từ 1/1967–9/1967

Khoá 25: từ 12/4/1967–5/11/1968

Khoá 26: từ 9/1967–8/6/1968

Khoá 27: từ 26/12/1967–1/8/1968

Thủ khoa: Châu Minh Ba.

Các khoá sau đánh số theo năm học

Năm 1968 có 9 khoá:

Khoá 1/1968 tại Nha Trang,

Khoá 2/1968 tại Nha Trang,

Khoá 3/1968 tại Thủ Đức,
Khoá 4/1968 tại Thủ Đức,

Khoá 5/1968 tại Thủ Đức: Có 8 đại đội, sĩ số khoảng 1,500 người. mãn khoá tại Quang Trung ngày 28 tháng 7, 1968. Giai đoạn 2 tại Thủ Đức từ 8 tháng 10, 1968 đến 25 tháng 1, 1969. Thủ khoa là chuẩn úy Nguyễn Đình Mô,

Khoá 6/1968,
Khoá 7/1968 tại Thủ Đức,
Khoá 8/1968 tại Thủ Đức,
Khoá 9/1968 tại Thủ Đức.

Năm 1969 có 6 khoá:

Khoá 1/69 tại Thủ Đức,
Khoá 2/69 tại Nha Trang,

Khoá 3/69 tại Thủ Đức: gồm 5 đại đội, mỗi đại đội có 200 người, sĩ số là 1,000 SVSQ. Khoá này khai giảng vào tháng 3 và mãn khoá vào khoảng tháng 10, 1969,

Khoá 4/69 tại Thủ Đức, mãn khoá tháng 7, 1970,
Khoá 5/69 tại Thủ Đức,
Khoá 6/69 tại Thủ Đức, khai giảng tháng 7, 1970.

Năm 1970 có 6 khoá:

Khoá 1/70,
Khoá 2/70,
Khoá 3/70,
Khoá 4/70,
Khoá 5/70,
Khoá 6/70: 1,650 SVSQ.

Năm 1971 có 5 khoá:

Khoá 1/71,
Khoá 2/71,
Khoá 3/71,

Khoá 4/71: tại Thủ Đức; khai giảng ngày 22 tháng 8, 1971 đến ngày 2 tháng 5, 1972; tổng cộng hơn 8 tháng. Có tên là Khoá Bình Long Anh Dũng,

Khoá 5/71: Tổng số khoảng 500 SVSQ, mà 1/5 thuộc thành phần giáo chức, nhưng trước ngày mãn khoá có một số được trả về nhiệm sở cũ. Thời gian, địa điểm, ngày khai giảng, mãn khoá, thủ khoa được bổ sung về ngành HCTC. Khoá này có tên là Kontum Kiều Hùng.

Năm 1972 có 16 khoá:

Tất cả đều tham dự chiến dịch, chia làm nhiều toán khoảng 4, 5 người đi với Địa phương quân và Nghĩa quân để tác động tinh thần và phổ biến hiệp định Paris. Thời gian học quân sự và chiến dịch khoảng một năm.

Khoá 1/72 tại Nha Trang, do Đại tá Bùi Trạch Dân, Liên đoàn trưởng, phụ trách. Khai giảng... Lễ ra mãn khoá ngày 8 tháng 12, 1972, nhưng vì Hiệp Định Paris nên mãi đến tháng 3, 1973 mới mãn khoá. Sĩ số khoảng 700 SVSQ, hầu hết là sinh viên Kiến Trúc nhập ngũ theo lệnh tổng động viên.

Khoá 2/72,
Khoá 3/72,
Khoá 4/72,
Khoá 5A/72,
Khoá 5B/72,

Khoá 6/72 Nha Trang (Thiếu tướng Võ Văn Cảnh Chỉ Huy Trưởng Trường Đồng Đế),

Khoá 7/72,
Khoá 8/72,
Khoá 9A/72,
Khoá 9B/72,

Khoá 9C/72 Thủ Đức,

Khoá 10A/72 Đồng Đế; Tên khoá: Yên Thế,

Khoá 10B/72 Đồng Đế,

Khoá 11/72 Đồng Đế, sĩ số 922 người. Khai giảng 16/10/1972, mãn khoá 2/6/1973,
Khoá 12/72.

Năm 1973 có 8 khoá:

Khoá 1/73 tại Thủ Đức,
Khoá 2/73 tại Thủ Đức,
Khoá 3/73 tại Long Thành,
Khoá 4/73,
Khoá 5/73,
Khoá 6/73,

Khoá 7/73: Rất đông sinh viên SQ có bằng Cử nhân và Cao học, một số lớn xin gia nhập ngành Quân Cảnh và Địa phương quân. Khoá học trên 11 tháng kể cả thời gian đi chiến dịch lần đầu, giành dân,

Khoá 8/73.

Năm 1974 có 3 khoá:

Khoá 1/74 tại Long Thành
Khoá 2/74 tại Long Thành
Khoá 3/74 tại Long Thành

KHU BƯU CHÍNH CỦA TRƯỜNG BỘ BINH

Để giải quyết việc thu nhận và chuyển đạt công văn, thư tín, danh thiếp, bưu phẩm, bưu phiếu cho đơn vị, và quân nhân trực thuộc. Mỗi đơn vị Quân Đội được thụ hưởng một Khu Bưu Chính (hộp thư). Viết tắt KBC, với 4 con số ghi sau chỉ danh đơn vị đó.

KBC của Trường Bộ Binh có danh hiệu **KBC-4100** trực thuộc Quân Bưu Cục Trung Ương tại thủ đô Sài Gòn.

Hơn 80,000 cựu SVSQ Trừ Bị, khoảng trên dưới 20,000 sĩ quan học viên các khoá cùng hàng ngàn quân nhân cơ hữu qua thời gian hiện diện tại các Trường Bộ Binh khác nhau. Trong hoàn cảnh chiến tranh hàng ngày, trong tuần, mỗi tháng, không ai không mong ngóng đến tin tức của gia đình, người thân, và nhất là những lá thư hồng, mực tím của người yêu xa nhà gửi đến trong lúc sống ở đồi Tăng Nhơn Phú, về sau là Long Thành.

Xem đến đây, độc giả nguyên là cựu SVSQ chắc không quên hồi tưởng lại những lúc đọc thư nhà vào giờ giải lao nơi giảng đường hoặc ngoài thao trường trong thời kỳ đào tạo để trở thành sĩ quan.

BÀI HÁT CHÍNH THỨC CỦA TRƯỜNG BỘ BINH

Nhạc phẩm THỦ ĐỨC HÀNH KHÚC của Nhạc Sĩ Hoàng Thanh là bài hát chính thức của Trường Bộ Binh.

(Từ liệu sưu tầm)
khuyết/vô danh



*Nguồn: Internet eMail by **mã trình tường vân** chuyển*

*Đăng ngày Thứ Tư, July 24, 2019
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*